

TCVN

TIÊU CHUẨN QUỐC GIA

TCVN 11340:2016

IEC 62420:2008 TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

Xuất bản lần 1



**DÂY TRẦN TẢI ĐIỆN TRÊN KHÔNG CÓ CÁC LỚP BÊN
ĐỒNG TÂM CÓ MỘT HOẶC NHIỀU KHE HỖ**

*Concentric lay stranded overhead electrical conductors
containing one or more gap(s)*

HÀ NỘI – 2016

Mục lục

	Trang
Lời nói đầu	3
1 Phạm vi áp dụng	5
2 Tài liệu viện dẫn	5
3 Thuật ngữ và định nghĩa	6
4 Hệ thống ký hiệu	8
5 Yêu cầu đối với dây bện	8
6 Thử nghiệm	11
7 Kiểm tra	15
8 Bao gói và ghi nhãn	16
Phụ lục A (quy định) – Thông tin người mua cần cung cấp	19
Phụ lục B (quy định) – Phương pháp thử nghiệm ứng suất – biến dạng	20
Phụ lục C (quy định) – Khối lượng danh nghĩa của mỡ dùng cho dây bện	23
Phụ lục D (tham khảo) – Phương pháp thay thế để đo (các) khe hở bên trong dây trần	27
Phụ lục E (tham khảo) – Kích thước khuyến cáo và bảng đặc tính của dây	28

Lời nói đầu

TCVN 11340:2016 hoàn toàn tương đương với IEC 62420:2008;

TCVN 11340:2016 do Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia TCVN/TC/E4 *Dây và cáp điện* biên soạn, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng đề nghị, Bộ Khoa học và Công nghệ công bố.

Dây trần tải điện trên không có các lớp bên đồng tâm có một hoặc nhiều khe hở

Concentric lay stranded overhead electrical conductors containing one or more gap(s)

1 Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này quy định các đặc tính điện và đặc tính cơ của dây trần tải điện trên không có các lớp bên đồng tâm, chứa một hoặc nhiều lớp nhôm hoặc hợp kim nhôm tự chịu lực như được mô tả trên Hình 1, và được chế tạo từ sự kết hợp của các sợi kim loại sau:

- a) nhôm kéo cứng, ký hiệu là A1 theo TCVN 11335 (IEC60889);
- b) hợp kim nhôm loại A hoặc B, ký hiệu là A2 hoặc A3 theo TCVN 11333 (IEC 60104);
- c) hợp kim nhôm chịu nhiệt, ký hiệu là AT1, AT2, AT3 hoặc AT4 theo TCVN 11339 (IEC 62004);
- d) thép có độ bền thông thường, ký hiệu là S1A hoặc S1B theo TCVN 11334 (IEC 60888);
- e) thép có độ bền cao, ký hiệu là S2A hoặc S2B theo TCVN 11334 (IEC 60888);
- f) thép có độ bền rất cao, ký hiệu là S3A theo TCVN 11334 (IEC 60888);
- g) thép có bọc nhôm, ký hiệu là 20SA, 27SA, 30SA hoặc 40SA theo IEC 61232.

CHÚ THÍCH: Tiêu chuẩn này đề cập đến kết cấu của dây trần tự dập dao động, cũng như các dây trần loại có khe hở. Mặc dù cả hai loại dây này đều có đặc điểm chung và có một hoặc nhiều khe hở giữa các lớp, chúng vẫn được thiết kế cho những mục đích khác nhau. Dây trần tự dập dao động (SDC) có thể có nhiều hơn một khe hở để tăng độ tự dập dao động, trong khi dây trần loại có khe hở được thiết kế để cho phép các lớp nhôm có thể trượt tự do lên lõi trong quá trình lắp đặt, và vì vậy thường không yêu cầu nhiều hơn một khe hở.

Sự kết hợp của các kim loại khác nhau được cho phép trong tiêu chuẩn này phải tuân theo Bảng 1.

2 Tài liệu viện dẫn

Các tài liệu viện dẫn dưới đây là cần thiết để áp dụng tiêu chuẩn này. Đối với các tài liệu viện dẫn có ghi năm công bố thì áp dụng các bản được nêu. Đối với các tài liệu viện dẫn không ghi năm công bố thì áp dụng phiên bản mới nhất (kể cả các sửa đổi).

TCVN 11333:2016 (IEC 60104:1987), *Sợi dây hợp kim nhôm-magiê-silic dùng cho dây trần của đường dây tải điện trên không*